

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Tân Yên
Chương: 760

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Yên, ngày 07 tháng 4 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I/2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trung tâm Y tế huyện Tân Yên công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách Quý I/2025 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý I/2025	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I/2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	-	-		
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Giá dịch vụ				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-		
1	Chi sự nghiệp	-	-		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		
*	Thu phí, lệ phí từ dự phòng	-	-		
*	Thu dịch vụ				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Giá dịch vụ				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.980	13	0,327%	-
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.980	13	0,327%	-



Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý I/2025	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I/2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	3.980	13	0,327%	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				-
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường	3.980	13	0,327%	-
	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc	1.100		0,000%	
	-Mua sắm thiết bị y tế	2.500		0,000%	
	- Thuê phần mềm quản lý hồ sơ điện tử tại huyện và TYT	180		0,000%	
	Dân số huyện	200	13	6,500%	
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Ngày 07 tháng 4 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Văn Hoàn



Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Tân Yên CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Chương: 623 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Yên, ngày 07 tháng 4 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I/2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trung tâm Y tế huyện Tân Yên công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách Quý I/2025 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý I/2025	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I/2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	71.991	22.854	32%	-
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Giá dịch vụ	71.991	22.854	32%	-
	Dịch vụ Y tế dự phòng, Dịch vụ kiểm nghiệm	900	384	43%	
	Dịch vụ từ TYT	6.000	1.710	29%	
	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	60.000	19.205	32%	
	Dịch vụ trông giữ xe, căng tin, quầy thuốc	591	110	19%	
	Dịch vụ xã hội hóa: Khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu	4.500	1.434	32%	
	Khác (Thực hành KCB)		11		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	71.830	19.403	27%	-
I	Chi sự nghiệp	71.830	19.403	27%	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	71.830	19.403	27%	
*	Thu phí, lệ phí từ dự phòng	-		0%	
*	Thu dịch vụ	71.830	19.403,00	27%	-
	Dịch vụ Y tế dự phòng, Dịch vụ kiểm nghiệm	888	280,00	32%	
	Dịch vụ từ TYT	6.000	1.013	17%	
	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	60.000	17.800	30%	



Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý I/2025	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I/2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, trông xe	532	-	0%	
	Dịch vụ xã hội hóa: Khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu	4.410	219	5%	
	Khác (Thực hành KCB)	-	1		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	161	42	26%	
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Giá dịch vụ	161	42	0%	
	Dịch vụ Y tế dự phòng, Dịch vụ kiểm nghiệm	12	2		
	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh				
	Dịch vụ trông giữ xe, căng tin, quầy thuốc	59	11		
	Dịch vụ xã hội hóa: Khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu	90	29		
	Thu khác				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	43.740	8.968	21%	-
I	Nguồn ngân sách trong nước	43.740	8.968	21%	-
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	43.740	8.968	21%	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	36.979	8.968	24%	-
	- Kinh phí thường xuyên - Khối Phòng bệnh	6.948	1.639	24%	
	- Kinh phí thường xuyên (TYT chi cho con người)	25.632	6.535	25%	
	- Kinh phí thường xuyên (TYT chi TX)	1.026		0%	
	- Kinh phí thường xuyên (dân số-huyện)	2.366	555	23%	
	- Kinh phí thường xuyên (dân số-xã)	1.007	239	24%	



Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý I/2025	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I/2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.700	-	0%	-
	Kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ triển khai bệnh án điện tử năm	4.700	-	0%	
4.3	Tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	2.061	-	0%	
	- Tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP (khối phòng bệnh)	351		0%	
	- Tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP (khối TYT)	1.506		0%	
	- Tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP (dân số - huyện)	58		0%	
	- Tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP (dân số - xã)	146		0%	
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Ngày 07 tháng 4 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Văn Hoàn

TR. T. BẮC G.